

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III/2018

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. UBND huyện Duy Xuyên công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý III/2018 như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước:

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) Quý III/2018 là **854.811 triệu đồng** (trđ) (không bao gồm số tạm thu chưa đưa vào cân đối ngân sách 2.345 trđ), nếu loại trừ số chuyển nguồn, kết dư năm trước là 80.937 trđ thì số thu phát sinh Quý III/2018 là **771.529 trđ**, đạt 91,9% so với dự toán tỉnh giao và đạt 91,3% so với dự toán HĐND huyện giao. Cụ thể các khoản thu như sau:

1. Thu nội địa: 304.637 trđ, đạt 71,4% so với dự toán huyện giao và tăng 29,9% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ số thu tiền sử dụng đất thì đạt 102% dự toán huyện giao, trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 2.863 trđ, tăng 39,7% so với dự toán huyện giao và đạt 63,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 68.609 trđ, đạt 100,8% so với dự toán huyện giao, tăng 52,2% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 96.633 trđ, đạt 99% so với dự toán huyện giao, tăng 37,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế thu nhập cá nhân: 55.638 trđ, đạt 95,6% so với dự toán huyện giao, tăng 67,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Lệ phí trước bạ: 16.232 trđ, đạt 108,2% so với dự toán huyện giao và tăng 112,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền cho thuê đất: 10.279 trđ, tăng 608,9% so với dự toán huyện giao, đạt 63,8% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền sử dụng đất: 27.152 trđ, trong đó:



+ Tiền sử dụng đất các dự án tái định cư vùng Đông ngân sách tỉnh hưởng 8.182 trđ, đạt 5,9% so với dự toán tỉnh giao.

+ Tiền sử dụng đất thuộc huyện quản lý 18.970 trđ, đạt 126,5% so với dự toán huyện giao.

- Phí, lệ phí: 9.996 trđ, đạt 90,2% so với dự toán huyện giao.

- Thu khác ngân sách: 7.853 trđ, đạt 122,7% so với dự toán huyện giao.

- Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: 4.500 trđ, đạt 90% dự toán huyện giao.

2. Thu chuyển nguồn, kết dư năm trước: 80.937 trđ.

3. Thu ngoài phát sinh kinh tế: 466.092 trđ, đạt 111,5% dự toán huyện giao và tăng 25,6% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, công tác thu ngân sách trong 9 tháng đầu năm được triển khai tích cực và đồng bộ. Sự phối kết hợp giữa các xã, thị trấn và ngành Thuế ngày càng chặt chẽ nên số thu ngân sách 9 tháng đầu năm đạt khá cao, hầu hết các khoản thu 100% và các khoản thu phân chia đạt tỉ lệ khá cao so với dự toán huyện giao và tăng hơn so với cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết theo các Phụ lục số 93/CK-NSNN; 94/CK-NSNN đính kèm)

II. Chi ngân sách nhà nước:

Tổng chi ngân sách Quý III/2018 thực hiện: **513.203 trđ** (không bao gồm tạm chi chưa đưa vào cân đối ngân sách số tiền 35.663 trđ), nếu loại trừ số chi chuyển nguồn 2017 sang năm 2018 quyết toán là 5.913 trđ, thì số chi ngân sách phát sinh cả năm là **471.627 trđ**, đạt 82% so với dự toán tỉnh giao, đạt 81,6% so với dự toán huyện giao. Cụ thể:

I. Chi cân đối ngân sách huyện:

1. Chi đầu tư XDCB và mục tiêu: 65.728 trđ, nếu loại trừ số chi chuyển nguồn 2017 sang năm 2018 quyết toán là 5.913 trđ thì chi đầu tư XDCB 9 tháng là **59.815 trđ**, tăng 10,7% dự toán huyện giao.

Kế hoạch vốn đầu tư XDCB được UBND huyện trình HĐND huyện giao chi tiết theo từng danh mục, mục tiêu đầu tư và được điều hành theo kế hoạch vốn hàng quý, nên việc giải ngân vốn đầu tư XDCB cơ bản kịp thời, đúng quy định.

2. Chi thường xuyên: Thực hiện Quý III/2018 là **332.445 trđ** đạt 65,4% so với dự toán huyện giao và tăng 86,7% so với cùng kỳ năm trước.

II. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:

1. Chi chương trình mục tiêu quốc gia: 20.058 trđ
2. Chi chương trình dự án quan trọng: 18.000 trđ
3. Chi các nhiệm vụ, chính sách, kinh phí thường xuyên: 76.972 trđ

Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách quý III/2018 nhìn chung đảm bảo được nhiệm vụ chi theo dự toán đầu năm, ngoài ra cân đối bổ sung các nhiệm vụ chi cấp thiết phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương phát sinh ngoài dự toán và một số nhiệm vụ chi cần thiết khác.

(Chi tiết theo Phụ lục số 95/CK-NSNN đính kèm)

UBND huyện công bố công khai để các cơ quan, đơn vị theo dõi, chỉ đạo và thực hiện./.

Nơi nhận:

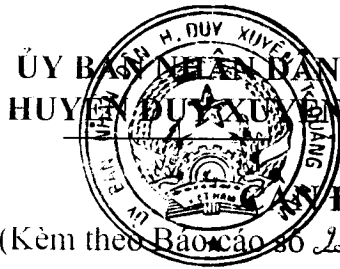
- TVHU (b/c);
- TT HĐND-UBND huyện (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Ban KT-XH HĐND huyện;
- VPHU, VP HĐND-UBND huyện;
- Các ngành, MT-ĐT thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, Ly(30b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Bón





Biểu số 93/CK-NSNN

ÁP DỤNG NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III/2018

(Kèm theo Báo cáo số 223 /BC-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Duy Xuyên)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện giao	Thực hiện quý III/2018	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán HĐND huyện giao	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN	577.981	716.928	124,0	163,6
I	Thu cân đối NSNN	159.824	166.754	104,3	46,1
1	Thu nội địa	159.824	166.754	104,3	71,1
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		80.937		114,4
III	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	418.157	466.092	111,5	125,6
IV	Các khoản huy động, đóng góp		3.145		53,9
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	577.981	513.203	88,8	112,6
I	Tổng chi ngân sách huyện, xã	577.981	398.173	68,9	87,4
1	Chi đầu tư phát triển	54.035	65.728	121,6	67,8
2	Chi thường xuyên	508.244	332.445	65,4	92,7
3	Dự phòng ngân sách	7.196	0		
4	Chi thực hiện CCTL và chi từ nguồn khác	8.506	0		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu		115.030		

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III/2018

(Kèm theo Báo cáo số 223 /BC-UBND ngày 12 /10/2018 của UBND huyện Duy Xuyên)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện giao	Thực hiện quý III/2018	So sánh (%)	
				Dự toán HĐND huyện giao	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	844.721	854.811	101,2	125,3
I	Thu nội địa	426.564	304.637	71,4	129,9
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	2.050	2.863	139,7	63,4
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có VĐT nước ngoài	68.042	68.609	100,8	152,2
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	97.592	96.633	99,0	137,4
4	Thuế thu nhập cá nhân	58.200	55.638	95,6	167,1
5	Lệ phí trước bạ	15.000	16.232	108,2	212,9
6	Thu phí, lệ phí	11.080	9.996	90,2	174,8
7	Các khoản thu về nhà, đất	163.200	42.313	25,9	74,9
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>300</i>	<i>578</i>	<i>192,7</i>	<i>136,6</i>
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>154.500</i>	<i>27.152</i>	<i>17,6</i>	<i>82,9</i>
-	<i>Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</i>	<i>6.950</i>	<i>4.304</i>	<i>61,9</i>	<i>59,5</i>
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>1.450</i>	<i>10.279</i>	<i>708,9</i>	<i>63,8</i>
8	Thu khác ngân sách	6.400	7.853	122,7	133,6
9	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	5.000	4.500	90,0	81,8
II	Thu chuyển nguồn, kết dư		80.937		114,4
III	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	418.157	466.092	111,5	125,6
IV	Các khoản huy động, đóng góp		3.145		53,9
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	159.824	166.754	104,3	124,2
1	Từ các khoản thu phân chia	99.815	97.132	97,3	146,9
2	Các khoản thu NS huyện được hưởng 100%	60.009	69.622	116,0	102,2

TIỆP HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III/2018

(Kèm theo Báo cáo số 213/BC-UBND ngày 12/10/2018 của UBND huyện Duy Xuyên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện giao	Thực hiện quý III/2018	So sánh (%)	
				Dự toán HĐND huyện giao	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	577.981	513.203	88,8	211,7
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	577.981	398.173	68,9	164,2
I	Chi đầu tư phát triển	54.035	65.728	121,6	102,1
1	Chi đầu tư cho các dự án	54.035	65.728	121,6	102,1
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	508.244	332.445	65,4	186,7
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	236.093	162.051	68,6	290,8
2	Chi khoa học và công nghệ	130	15		
3	Chi y tế, dân số và gia đình	380	944	248,4	26,3
4	Chi văn hóa thông tin	6.048	6.492	107,3	498,6
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.748	1.231	70,4	177,6
6	Chi thể dục, thể thao	1.456	735	50,5	34,2
7	Chi bảo vệ môi trường	3.387	1.392	41,1	122,8
8	Chi hoạt động kinh tế	76.956	48.781	63,4	224,5
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	97.108	75.463	77,7	341,7
10	Chi đảm bảo xã hội	73.583	20.901	28,4	32,2
11	Chi quốc phòng - an ninh	9.672	8.447	87,3	366,1
12	Chi khác ngân sách	1.683	5.993	356,1	101,3
13	Chi nộp ngân sách cấp trên		0		
III	Dự phòng ngân sách	7.196	0		
IV	Chi thực hiện CCTL và chi từ nguồn khác	8.506	0		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	0	115.030		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		20.058		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		18.000		
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		76.972		